Thông tin mới về quê hương đức Phật tại Nepal

ISSN: 2734-9195 10:38 16/06/2026

Robin Coningham, người luôn ý thức về sự nhạy cảm của cộng đồng Phật giáo, cho biết ông hoàn toàn đồng tình với việc để bảo tháp được yên nghỉ. Ông nói: “Có những câu hỏi mà khoa học không thể và có lẽ cũng không nên trả lời”.

Ghi chú biên tập: Những phát hiện khảo cổ mới tại Lumbini và Kapilavastu đang mở ra các cuộc tranh luận học thuật sôi nổi về niên đại, cuộc đời và dấu vết lịch sử của đức Phật. Liệu khảo cổ học có thể giúp nhân loại đến gần hơn với chân dung của Siddhartha Gautama - con người lịch sử đứng sau một trong những truyền thống tâm linh lớn nhất thế giới?.

*Nơi được xem là chốn đản sinh của **đức Phật** vẫn không ngừng thu hút tín đồ từ khắp nơi trên thế giới hành hương chiêm bái. Đồng thời, đây cũng là điểm đến của các nhà nghiên cứu đang nỗ lực khai quật những chứng cứ mới về bậc đạo sư tâm linh được tôn kính bậc nhất trong lịch sử nhân loại.*



Phật tử hành hương tại đền Maya Devi ở Lumbini dâng nến vào ngày âm lịch được kỷ niệm là ngày đức Phật Đản sinh.
(Ảnh: GMB Akash/Panos Pictures)

Ngay sau lúc bình minh, hơn 200 vị tăng sĩ thuộc một dòng truyền thừa của cộng đồng người **Tây Tạng** lưu vong bắt đầu lễ rước trang nghiêm hướng về địa điểm được tôn kính là nơi đản sinh của Thái tử Siddhartha Gautama (Tất-đạt-đa Cồ-đàm).

Họ cung kính mang theo những bộ kinh được gói cẩn thận cùng 108 tượng Phật mạ vàng. Một số vị đánh trống, một số khác phất những làn hương thơm ngọt ngào. Có người đội pháp quan nghi lễ, có người cầm những chiếc lọng tua rua được trang trí công phu. Vài vị thổi **dungchen**, loại pháp khí là những chiếc kèn dài bằng đồng và đồng đỏ của **Phật giáo Tây Tạng** tạo nên âm thanh trầm hùng, ngân rung huyền bí, được cho là cộng hưởng với vẻ đẹp siêu việt trong giáo pháp của đức Phật.

Đoàn người tiến đến một công trình lớn màu trắng được xây bằng gạch và thép. Phần lớn các tăng sĩ cùng nhiễu quanh công trình. Trên lộ trình, họ đi ngang trụ đá sa thạch được đánh bóng, vốn được dựng tại đây vào thế kỷ III trước Tây lịch, đồng thời men theo bờ hồ nơi **truyền thuyết** kể rằng Hoàng hậu Maya Devi (Ma-da phu nhân), thân mẫu của Thái tử Siddhartha, đã tắm gội trước khi sinh con.

Một nhóm nhỏ gồm các vị cao tăng Tây Tạng bước vào bên trong công trình. Tại đây, trước bức phù điêu nổi từ thế kỷ IV mô tả cảnh Hoàng hậu Maya Devi hạ sinh Thái tử và phía trên một "phiến đá đánh dấu" cổ xưa được cho là xác định chính xác vị trí đản sinh, các vị tiến hành nghi thức thanh tịnh hóa. Họ dâng lên "**ngọn đèn trí tuệ**" mang ý nghĩa biểu tượng, cầu mong xua tan mọi thế lực vô minh khỏi thánh địa nơi đức Phật chào đời.

Trong khu vực bên ngoài đền thờ, thường được gọi là **"Thánh viên" (Sacred Garden)**, các tăng, ni đến từ nhiều quốc gia khác nhau cũng đang tụ hội dưới ánh sáng ban mai.

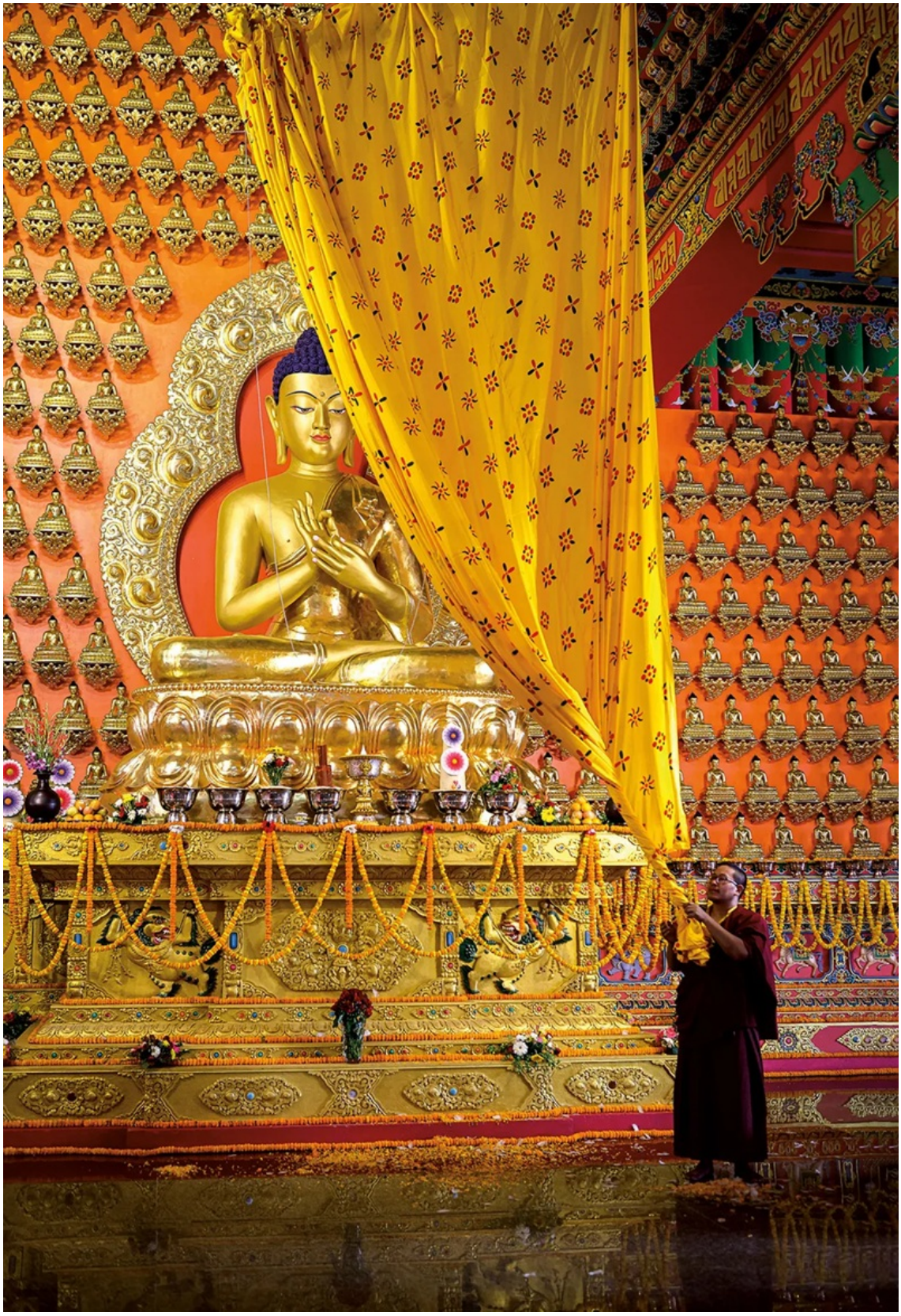
Có người khoác y vàng nghệ, có người mặc pháp phục màu đỏ sẫm. Họ đến từ Nepal, Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan, Sri Lanka, Nhật Bản và nhiều quốc gia khác.

Các tăng sĩ **Trung Quốc** trong trang phục xám và đen nâng cao một con rồng uốn lượn màu xanh lam - vàng. Một số ni sư cũng hiện diện, phần lớn mặc y phục màu hồng hoặc trắng.

Trên một bục thiền định, những phật tử đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ vốn có nhiều bất đồng chính trị lại ngồi sát bên nhau, cùng trì tụng chân ngôn cầu nguyện cho hòa bình.

Ông **Lobsang Lama**, một cư sĩ người **Nepal**, phát cho mỗi vị tăng, ni đang ngồi một tờ tiền mới trị giá 10 rupee Nepal (tương đương khoảng 8 xu Mỹ).

Ông nói: *"Chúng tôi tin vào luật nhân quả. Điều gì mình cho đi, mình sẽ nhận lại trong đời sau".*



Thiên Phật Tự (Thousand Buddha Temple) tại Lumbini, Nepal. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Các tăng sĩ, ni sư và người hành hương tụ hội về thị trấn Lumbini nóng bức nằm gần biên giới Ấn Độ bởi đây là ngày kỷ niệm **đức Phật Đản sinh** tại Nepal, đồng thời bởi họ tin rằng vùng đất này sở hữu năng lực thiêng liêng đặc biệt.

Tuy nhiên, họ không phải là những người duy nhất đang tìm kiếm đức Phật tại Lumbini.

Trong nhiều năm qua, các nhà khảo cổ học cũng miệt mài truy tìm một hình ảnh đức Phật hoàn toàn khác: không phải đức Phật của đức tin và biểu tượng, mà là một người bằng xương bằng thịt, người đã sinh ra, sống, thuyết giảng và qua đời tại khu vực này ít nhất một thế kỷ trước khi những ghi chép đầu tiên về giáo pháp của Ngài được thành văn.

Họ đang khai quật hiện vật tại khu vực được xác định là nơi đản sinh của đức Phật, đồng thời **nghiên cứu** một quần thể phế tích bị chôn vùi cách đó khoảng 27 km. Theo nhận định của các nhà khảo cổ, đây có thể chính là vị trí của thành cổ **Kapilavastu (Ca-tỳ-la-vệ)**, nơi Thái tử Siddhartha trải qua thời niên thiếu.

Những gì đã được phát hiện, cũng như những gì giới khảo cổ còn hy vọng tìm thấy trong tương lai, có thể mang ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng phật tử.

Cho đến nay, ngay trong nội bộ giới nghiên cứu và tín đồ Phật giáo vẫn còn nhiều tranh luận về niên đại chính xác của đức Phật lịch sử.

Các phát hiện mới cũng có thể giúp làm sáng tỏ thời điểm và cách thức Phật giáo lan tỏa khắp châu Á.

Bên cạnh đó còn có những lợi ích kinh tế đáng kể. Là một quốc gia đang phát triển, Nepal mong muốn thúc đẩy hoạt động hành hương và du lịch tại các địa điểm gắn liền với cuộc đời đức Phật. Những phát hiện khảo cổ mới cùng các kết luận học thuật quan trọng chắc chắn sẽ thu hút thêm nhiều du khách.

Tuy nhiên, các khám phá hiện nay cũng như những giả thuyết được xây dựng từ chúng đều gây nhiều tranh cãi. Chúng xuất hiện đúng vào thời điểm giới học thuật đang chứng kiến cuộc tranh luận mới về câu hỏi tưởng chừng đã được mặc nhiên thừa nhận: *liệu một nhân vật mang tên Siddhartha Gautama có thực sự tồn tại trong lịch sử hay không?*

Ngay cả trong cộng đồng tín đồ, đức Phật cũng hiện lên dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo góc nhìn của mỗi người.

Trong giới phật tử thế tục tại Hoa Kỳ, đức Phật thường được xem đơn thuần là một bậc minh triết giác ngộ, người đã thông qua kỷ luật bản thân và thiền định sâu sắc để đạt được những hiểu biết phi thường về thân phận con người, đồng

thời chỉ bày phương pháp giúp con người điều phục và chuyển hóa tâm thức nhằm giảm bớt những áp lực của cuộc sống.

Trong khi đó, tại châu Á, nơi Phật giáo tồn tại dưới vô số tông phái, truyền thống và dòng truyền thừa khác nhau, đức Phật thường được nhìn nhận như một nhân vật mang nhiều yếu tố thần diệu hơn: *người có thể bay lượn trong không trung, hàng phục rồng và ma quỷ, hóa hiện vô số thân, hay du hành tới những cảnh giới siêu hình.*

Không có một kinh điển duy nhất nào trình bày đầy đủ và thống nhất toàn bộ câu chuyện cuộc đời đức Phật.



Các tăng sĩ Tây Tạng quây quần quanh vị trụ trì của mình (ngồi giữa). (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Trong cuốn *The Buddha: A Beginner's Guide* (đức Phật: Cẩm nang nhập môn) xuất bản năm 2001, học giả tôn giáo học danh dự **John S. Strong** thuộc Bates College viết: *"Mỗi lần câu chuyện về đức Phật được kể lại trong truyền thống*

Phật giáo đều chịu ảnh hưởng bởi ký ức lịch sử, trọng tâm giáo lý, nhu cầu nghi lễ, sự gắn kết chính trị, các yếu tố xã hội - văn hóa, hoặc đơn giản chỉ là mong muốn kể nên một câu chuyện hấp dẫn".

Những câu chuyện ấy khác nhau về nhiều chi tiết, thậm chí đôi khi mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, nhìn chung chúng đều đi theo khuôn mẫu nhất định, xoay quanh những sự kiện trọng yếu được xem là "đầy cảm hứng và đáng được ghi nhớ, bất kể mức độ xác thực về mặt lịch sử", theo nhận định của Strong.

Trong một thể loại văn học Phật giáo cổ đại rất phổ biến là **Jataka** (Bổn sinh truyện), đức Phật xuất hiện lần đầu từ vô lượng kiếp xa xưa với tư cách một con người phát nguyện trở thành **buddha** - tiếng Sanskrit có nghĩa là "Bậc Giác ngộ".

Ngài trải qua vô số đời sống và tái sinh dưới hình thức con người, chư thiên hay loài vật, đôi khi gặp gỡ các vị Phật trong quá khứ trên hành trình ấy.

Trong tất cả những đời sống đó, Ngài luôn tìm kiếm sự giải thoát tâm linh nhưng chưa thành tựu. Chỉ đến lần tái sinh cuối cùng tại Lumbini, mục tiêu ấy mới được hoàn mãn.

Những câu chuyện về sự đản sinh của đức Phật mang đậm màu sắc kỳ diệu. Vị Phật tương lai đi vào thai mẹ trong trạng thái hoàn chỉnh và cư ngụ trong một cung điện nguy nga nơi thai cung, tiếp đón cả chư thiên như những vị khách quý.

Trong một số dị bản, Hoàng hậu Maya Devi nằm mộng thấy một con voi trắng đi vào thân mình, điềm lành tượng trưng cho sự thánh thiện, thịnh vượng và quyền năng.

Mười tháng âm lịch sau, bà lên đường về quê ngoại để sinh nở theo phong tục đương thời. Tuy nhiên, bà không thể đến nơi.

Khi đi được nửa đường, bà dừng chân tại một khu rừng hoặc khu vườn ở Lumbini, nắm lấy cành cây và sinh con trong tư thế đứng.

Theo các kinh điển quan trọng cũng như những tác phẩm nghệ thuật Phật giáo cổ đại, hài nhi vừa chào đời đã kỳ diệu xuất hiện từ dưới nách phải của Hoàng hậu Maya Devi.

Giống như tất cả chư Phật trong ba đời, hài nhi xuất hiện trong trạng thái hoàn toàn thanh tịnh: *"Không vết nhơ, không bị ô nhiễm bởi nước, chất nhầy, máu hay bất cứ tạp chất nào; hoàn toàn thanh khiết và tinh sạch".* Đó là mô tả trong **Mahāpadāna Sutta** (Kinh Đại Bổn).

Đứa trẻ được chư thiên (deva) đón lấy, hoặc trong một số dị bản là được nâng đỡ bằng tấm lưới vàng của chư thiên. Sau đó, hài nhi được đặt xuống mặt đất và lập tức bước đi bảy bước. Mỗi bước chân đều làm nở lên một đóa sen.

Ngài tuyên bố: *"Ta là bậc tối thượng trong thế gian. Đây là lần tái sinh cuối cùng của Ta; từ nay sẽ không còn tái sinh nữa".*



Những chú tiểu Tây Tạng xếp hàng chiêm bái các xá-lợi được cho là của chính đức Phật, những mảnh xương nhỏ cỡ hạt sỏi
được tôn trí trong một bảo tháp nhỏ tại Lumbini. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Bảy ngày sau, Hoàng hậu Maya Devi qua đời. Thái tử Siddhartha được nuôi dưỡng bởi phụ vương là vua **Suddhodana (Tịnh Phạn)** cùng người dì ruột là **Mahāprajāpatī Gautamī (Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cồ-đàm-di)** tại thành Kapilavastu gần đó.

Các bậc hiền triết tiên đoán với nhà vua rằng Siddhartha rồi sẽ trở thành hoặc một vị Chuyển luân Thánh vương thống trị thiên hạ, hoặc một bậc lãnh đạo tâm linh tối thượng.

Mong muốn con trai nối nghiệp thế tục, vua Tịnh Phạn tìm mọi cách che chắn Thái tử khỏi những khổ đau của cuộc đời.

Siddhartha sống trong cung điện xa hoa, được bao quanh bởi người hầu và các mỹ nữ, hoàn toàn không phải chứng kiến những hiểm nguy hay đau khổ của nhân sinh.

Theo truyền thống, năm 16 tuổi, Ngài kết hôn với công chúa xinh đẹp **Yasodhara (Da-du-đà-la)**. Sau này bà sinh cho Ngài một người con trai tên **Rahula (La-hầu-la)**, cái tên mang ý nghĩa đáng chú ý là "sợi dây ràng buộc" hoặc "chướng ngại".

Thế nhưng, vào một thời điểm nào đó sau này, Siddhartha với sự trợ duyên của chư thiên đã bước ra khỏi khu vực biệt lập của mình và chứng kiến bốn cảnh tượng nổi tiếng: *một người già, một người bệnh, một tử thi và một vị sa-môn du phương.*

John S. Strong nhận định: *"Ba dấu hiệu đầu tiên khiến Ngài nhận thức sâu sắc về tính tất yếu của khổ đau và vô thường. Dấu hiệu thứ tư đem đến cho Ngài hy vọng rằng vẫn tồn tại một giải pháp cho vấn đề ấy".*

Năm 29 tuổi, sau khi quyết tâm tìm con đường chấm dứt khổ đau, Siddhartha cạo bỏ mái tóc, từ bỏ y phục vương giả, khoác lên mình tấm y vàng của người xuất gia khất sĩ và bắt đầu hành trình dài tìm kiếm giác ngộ.

Ban đầu, Ngài thực hành khổ hạnh cực đoan đến mức cận kề cái chết. Sau đó, Ngài chuyển sang con đường **Trung đạo (Middle Way)**, tránh cả hai cực đoan: hưởng thụ dục lạc và ép xác khổ hạnh.

Trên hành trình ấy, Ngài phải vượt qua vô số thử thách, trong đó có những cuộc tấn công từ **Māra (Ma vương)**, nhân vật thường được mô tả như hiện thân của sự cám dỗ và chướng ngại luôn tìm cách ngăn cản và làm xao lãng con đường tu tập của Ngài.

Cuối cùng, Siddhartha đạt được sự giác ngộ mà mình tìm kiếm và sống đến tuổi 80.

Các học giả phương Tây nhìn nhận phần lớn, thậm chí toàn bộ câu chuyện trên, như một huyền thoại, một câu chuyện được bồi đắp qua nhiều thế kỷ và quan tâm nhiều hơn đến ý nghĩa tâm linh thay vì tính chính xác lịch sử.

Đức Phật có lẽ đã sử dụng một ngôn ngữ được gọi là **Magadhi Prakrit**, một ngôn ngữ dân gian cùng họ với tiếng Sanskrit nhưng nay đã thất truyền.

Vào thời đại của Ngài, chữ viết vẫn chưa được sử dụng phổ biến trong khu vực. Vì vậy, những câu chuyện về cuộc đời đức Phật được truyền khẩu qua nhiều thế hệ trước khi được ghi chép thành văn.



Một pho tượng được phát hiện tại khu khai quật Kapilavastu. Hiện vật được tạo tác dưới triều đại Sunga (khoảng 185-73 trước Tây lịch) và có thể đại diện cho một nữ thần được cả Phật giáo lẫn Ấn Độ giáo tôn kính.
(Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Những văn bản Phật giáo sớm nhất nhiều khả năng được ghi chép bằng tiếng **Pali**, **Sanskrit** cùng một số ngôn ngữ có quan hệ gần gũi. Về sau, các bản dịch và bổ sung tiếp tục xuất hiện bằng tiếng Tây Tạng, tiếng Hán và nhiều ngôn ngữ khác.

Theo dòng thời gian, những câu chuyện về đức Phật không ngừng được mở rộng và biến đổi. Các bản thuật sự ngày càng bổ sung thêm những chi tiết về sự đản sinh kỳ diệu, các năng lực siêu nhiên, sự xuất hiện của những sinh thể huyền bí, ma quỷ, cũng như những mô tả mang tính thánh truyện (hagiography) về địa danh và sự kiện liên quan đến cuộc đời Ngài.

Các học giả nghiên cứu kinh điển từ lâu đã cố gắng phân tách đâu là yếu tố có thể tin cậy về mặt lịch sử và đâu là những lớp huyền thoại được bồi đắp theo thời gian.

Vào thế kỷ XIX, một số học giả từng nghi ngờ rằng đức Phật hoàn toàn là một nhân vật thần thoại. Những câu chuyện trong kinh điển dường như quá cường điệu hoặc quá hư cấu để có thể phản ánh hiện thực và thường được diễn giải như các ẩn dụ mang ý nghĩa biểu tượng.

Tuy nhiên, sang thế kỷ XX, một sự đồng thuận tương đối đã hình thành trong giới học thuật rằng một **đức Phật lịch sử** nhiều khả năng thực sự tồn tại.

Một trong những lý do quan trọng là sự phát hiện các văn khắc từ thế kỷ III trước Tây lịch có nhắc đến đức Phật một cách trực tiếp, bao gồm cả trụ đá tại Lumbini. Hơn nữa, việc hình dung một con người lịch sử dần được thần thoại hóa qua nhiều thế kỷ xem ra hợp lý hơn giả thuyết cho rằng hàng loạt truyền thuyết và tín ngưỡng đã tự kết tụ quanh một nhân vật hoàn toàn tưởng tượng.

Những học giả theo hướng tiếp cận này tìm cách gạt bỏ các chi tiết phóng đại trong các bản tiểu sử cổ nhằm: *“Giải huyền thoại hóa truyền thống và tiến tới nhận diện ‘đức Phật đích thực’”.*

Trong cuốn tiểu sử của mình, John S. Strong nhận xét rằng nỗ lực ấy phần nào phản chiếu khuynh hướng duy lý và thực chứng của các học giả đương thời đang truy tìm “đức Giêsu lịch sử” trong ngành nghiên cứu Kinh Thánh.

Dẫu vậy, ngay cả những vấn đề cơ bản nhất, chẳng hạn đức Phật sống vào thế kỷ nào vẫn tiếp tục là chủ đề tranh luận.

Cuộc tranh luận này bùng phát trở lại vào năm 2017 khi học giả người Canada **David Drewes**, thuộc Đại học Manitoba, công bố một bài viết trên *Journal of the International Association of Buddhist Studies* (tạm dịch: Tạp chí của Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế) - một trong những tạp chí hàng đầu về nghiên

cứu Phật học quốc tế.

Trong bài viết, Drewes cho rằng hiện chưa có bằng chứng thật sự vững chắc chứng minh sự tồn tại lịch sử của đức Phật.

Ông viết: *"Mặc dù mọi người gần như đều đồng thuận rằng đức Phật đã từng sống, hơn hai thế kỷ nghiên cứu học thuật vẫn chưa xác lập được bất kỳ sự kiện lịch sử nào về Ngài. Vì thế, chúng ta đang đứng trước một nhận định khá kỳ lạ: Phật giáo được sáng lập bởi một nhân vật lịch sử nhưng lại không thể gắn với bất kỳ dữ kiện lịch sử xác thực nào. Đây là một ý niệm dường như thiếu cơ sở thực chứng và chỉ có tính nhất quán ở mức đáng ngờ".*

Bài viết này lập tức vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ nhiều học giả khác. Một số bác bỏ trực tiếp lập luận của Drewes. Một số khác cho rằng toàn bộ cuộc tranh luận ấy không thực sự quan trọng, bởi không ai có thể chứng minh một cách tuyệt đối về một nhân vật sống trước khi chữ viết được sử dụng để ghi chép lịch sử.

Theo quan điểm này, những câu chuyện về đức Phật vẫn mang giá trị văn hóa và tâm linh sâu sắc, bất kể Ngài có phải là một nhân vật lịch sử theo nghĩa hiện đại hay không.

Vị lãnh đạo Phật giáo nổi tiếng nhất thế giới hiện nay - **Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIV** lại kêu gọi tăng cường nghiên cứu về cuộc đời đức Phật.

Trong cuốn *The End of Suffering and the Discovery of Happiness* (Chấm dứt khổ đau và khám phá hạnh phúc) xuất bản năm 2012, Ngài viết: *"Cá nhân tôi cảm thấy khá đáng tiếc khi không ai, kể cả các phật tử, biết chính xác vị đạo sư của chúng ta thực sự sống vào thời điểm nào.*

Tôi đã nghiêm túc suy nghĩ về khả năng tiến hành các nghiên cứu khoa học. Hiện vẫn còn những xá-lợi tại Ấn Độ và Tây Tạng mà nhiều người tin là có nguồn gốc từ chính đức Phật. Nếu được phân tích bằng các kỹ thuật hiện đại, chúng ta có thể xác lập những niên đại tương đối chính xác, điều này sẽ vô cùng hữu ích".



Trụ đá A Dục Vương, được phát hiện trở lại vào năm 1895. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Tuy nhiên, một số tín đồ lại đặt câu hỏi: vì sao giới khoa học lại quyết tâm khai quật quá khứ đến như vậy?

Họ lo ngại rằng các nhà nghiên cứu có thể đi đến những kết luận sai lầm, từ đó gây xáo trộn niềm tin Phật giáo.

Bên cạnh đó còn tồn tại sự xung đột lợi ích giữa các nhà bảo tồn di sản và giới chính trị. Các nhà bảo tồn mong muốn hạn chế lượng du khách cũng như hoạt động thương mại để bảo vệ các di chỉ khảo cổ. Ngược lại, các nhà quản lý địa phương muốn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo thêm nguồn thu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của người dân Nepal, vốn vẫn còn nhiều khó khăn.

Nhà khảo cổ học Nepal **Basanta Bidari** nhận xét: "Ngày nay, ở đâu có đức Phật thì ở đó có tiền". Ông lo ngại rằng làn sóng du khách ngày càng đông sẽ gây tổn hại cho những di tích mong manh và không thể thay thế.

Khi lần đầu từ New Delhi đến Lumbini vào năm 1985, tức 12 năm trước khi nơi đây được Liên Hợp Quốc công nhận là Di sản Thế giới, Bidari cảm nhận đây là một vùng đất gần như bị lãng quên.

Ông nhớ lại: *"Khi ấy rất ít người hành hương đến đây. Họ mang theo hộp cơm từ bên kia biên giới Ấn Độ, ở lại vài giờ rồi quay về ngay trong ngày".*

Nguồn điện lúc bấy giờ cũng được cung cấp từ Ấn Độ và yếu đến mức: *"Một chiếc quạt phải mất gần một phút mới quay được hết một vòng".*

Rắn độc xuất hiện rất phổ biến. Bidari kể: *"Chúng rất thích chui xuống gầm gối. Chúng tôi thường dùng gậy nhấc chúng lên rồi ném ra ngoài".*

Ngày nay, khu vực mang tên **Đô thị Văn hóa Lumbini (Lumbini Cultural Municipality)** - được thành lập năm 2014 trên cơ sở hợp nhất bảy làng nông thôn đã có hơn 80 khách sạn, chủ yếu phục vụ khách hành hương trong khu vực.

Các cửa hàng và quầy hàng san sát bán tượng Phật sơ sinh, chuông hát thiền định (singing bowl), đồ lưu niệm tôn giáo cùng đủ loại thú nhồi bông và đồ chơi nhựa nhiều màu sắc.

Trên đường phố, xe xích lô đạp, tuk-tuk, xe máy, ô tô, xe tải nhỏ, máy kéo, chó hoang và đôi khi cả bò cùng chia sẻ không gian giao thông.

Khu dân cư và thương mại của đô thị bao quanh khu hành hương rộng lớn, được quy hoạch thành ba phân khu, mỗi khu khoảng một dặm vuông:

+ Thánh viên (Sacred Garden): nơi tọa lạc địa điểm được cho là nơi đản sinh của đức Phật cùng nhiều di tích khảo cổ quan trọng.

+ Khu tự viện (Monastic Zone): được chia đôi bởi tuyến đường đi bộ và kênh đào, quy tụ các ngôi chùa và trung tâm thiền đến từ nhiều quốc gia khác nhau.

+ Trung tâm Văn hóa và Làng Lumbini Mới (Cultural Center and New Lumbini Village): nơi có bảo tàng, viện nghiên cứu Phật học quốc tế, Đại Bảo tháp Hòa bình Thế giới và khu bảo tồn chim sếu.



Các tăng sĩ Phật giáo Tây Tạng rước tượng Phật qua các tuyến phố. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)



Phụ nữ thuộc cộng đồng Tharu - một sắc tộc chủ yếu theo Ấn Độ giáo ở miền nam Nepal và miền bắc Ấn Độ -
tham gia đoàn diễu hành mừng ngày Đức Phật Đản sinh. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Năm 2022, sân bay **Bhairahawa** phục vụ khu vực này được mở rộng để đón các chuyến bay quốc tế. Cũng trong năm đó, một trung tâm thiền định và hội nghị mới với sức chứa khoảng 5.000 người chính thức đi vào hoạt động.

Sau giai đoạn suy giảm du lịch do đại dịch Covid-19, lượng du khách hiện nay đang tăng nhanh. Ông **Hit Bahadur Tamang**, Bộ trưởng Văn hóa, Du lịch và Hàng không Dân dụng Nepal, cho biết: *"Số lượng khách đến Lumbini đang gia tăng rất nhanh. Chính phủ Nepal đã sẵn sàng chào đón hàng triệu du khách".*

Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh chóng ấy cũng kéo theo nhiều hệ lụy. Các công trình dân cư và thương mại mọc lên ngay trong những khu vực lẽ ra phải được bảo vệ nghiêm ngặt.

Ô nhiễm không khí, chủ yếu đến từ các nhà máy xi măng, lò gạch và hoạt động đốt phụ phẩm nông nghiệp ngoài trời ngày càng nghiêm trọng. Các chất ô nhiễm này có tác động ăn mòn trực tiếp lên những hiện vật khảo cổ đang lộ thiên.

Ngay cả công trình gạch, thép hiện đại được xây dựng để che phủ địa điểm đản sinh của đức Phật cũng vô tình giữ lại độ ẩm, khiến các di tích cổ tiếp tục xuống cấp.

Một số phế tích bằng gạch có niên đại hàng trăm năm nằm sát khu vực đản sinh đã bị giảm hơn 30 cm chiều cao do khách hành hương liên tục lấy gạch mang về làm kỷ vật, xem đó như những thánh tích.

Khi tác giả bài viết đến đây vào năm ngoái, những tấm bạt màu vàng đã được phủ lên khu vực này nhằm ngăn chặn tình trạng hư hại tiếp diễn.

Nhà khảo cổ Nepal **Kosh Prasad Acharya**, đồng trưởng nhóm trong các cuộc khai quật gần đây, nhận xét: *"Mọi người rất hào hứng phát triển du lịch vì điều đó mang lại nguồn thu tức thì. Nhưng họ không tính đến sức chịu tải của các di tích".*

Ông cùng nhiều chuyên gia khác xem sân bay vừa mở rộng như một "quả bom hẹn giờ".



Guilbert Gates

Năm 2024, các chuyên gia của UNESCO đã đề xuất đưa Lumbini vào danh sách **Di sản Thế giới đang bị đe dọa**, cảnh báo rằng tình trạng xuống cấp của các di chỉ khảo cổ đang phản ánh một "mức độ bảo tồn đáng báo động".

Theo ông **Michael Croft**, cựu đại diện UNESCO tại Nepal, khu hành hương này ban đầu được hình dung là: *"Một không gian thanh tĩnh, gần gũi với thiên nhiên, yên bình và thích hợp cho việc chiêm bái, tương xứng với tầm vóc thiêng liêng của nơi này".*

Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận rằng rất khó duy trì lý tưởng ấy khi chính quyền địa phương với những lý do hoàn toàn dễ hiểu mong muốn tận dụng giá trị của Lumbini để thúc đẩy phát triển kinh tế cho một trong những khu vực nghèo nhất đất nước.

Trong cuộc họp diễn ra tại Ấn Độ vào tháng 7 vừa qua, các đại biểu thuộc Ủy ban Di sản Thế giới của Liên Hợp Quốc đã quyết định cho Nepal thêm thời gian để trình báo cáo chi tiết về những biện pháp khẩn cấp nhằm bảo vệ di sản.

Việc bị đưa vào danh sách “Di sản đang bị đe dọa” sẽ là một đòn giáng mạnh vào hình ảnh của Nepal, bởi điều đó đồng nghĩa với việc quốc gia này bị đánh giá là chưa đủ năng lực quản lý hiệu quả một thánh địa có ý nghĩa toàn cầu.

Trong khi những cuộc tranh luận về bảo tồn vẫn tiếp diễn, các nhà khảo cổ học cũng không ngừng công bố những phát hiện đáng chú ý.

Chẳng hạn, tại khu vực cách nơi Đản sinh của đức Phật khoảng 27 km, họ đã phát hiện dấu tích của một **quần thể cung điện** được bao quanh bởi thành lũy cùng hệ thống đường sá và khu dân cư quy hoạch theo dạng ô bàn cờ, có niên đại vào khoảng thế kỷ VI trước Tây lịch.



Kỹ sư Roshani Maharjan, công tác tại Cục Khảo cổ Nepal, ghi chép hiện trường khai quật. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Các nhà khảo cổ tin rằng đây chính là tàn tích của **Kapilavastu cổ đại**, nơi theo kinh điển Phật giáo, Thái tử Siddhartha đã sinh sống trước khi từ bỏ mọi đặc quyền vương giả để lên đường tìm cầu giác ngộ.

Phát hiện này, cùng với nhiều bằng chứng khác thu được tại Lumbini, đang góp phần củng cố giả thuyết cho rằng đức Phật thực sự sống vào khoảng **thế kỷ VI trước Tây lịch**.

Gần đây, Nepal đã đề cử khu di chỉ **Kapilavastu**, nằm tại thị trấn **Tilaurakot** ngày nay, vào danh sách Di sản Thế giới.

Nếu được công nhận, địa điểm này sẽ có vị thế quốc tế riêng, tách biệt với thánh địa Lumbini, đồng thời thu hút thêm lượng lớn khách du lịch và người hành hương.

Tuy nhiên, Nepal không khẳng định một cách tuyệt đối rằng những phế tích đang nằm dưới lòng đất tại đây chính là cố đô Kapilavastu - quê hương thời niên thiếu của Thái tử Siddhartha.

Theo ông Michael Croft của Unesco: *"Hiện vẫn chưa có bằng chứng mang tính quyết định".* Nói cách khác, chưa phát hiện được những chứng cứ trực tiếp như văn khắc hay tài liệu thành văn có thể xác nhận dứt khoát nhận định này.

Thay vào đó, Nepal lập luận rằng khu phức hợp cổ đại ấy xứng đáng được công nhận Di sản Thế giới bởi đây là: *"Đô thị lịch sử sơ kỳ cùng vùng phụ cận được bảo tồn tốt nhất ở Nam Á".* Những bằng chứng hiện có cho thấy nơi đây từng là một trung tâm hành hương Phật giáo rất sớm.

Tháng 1 năm 2024, các nhà khảo cổ khai quật được một ngôi đền **apsidal** (kiến trúc có phần cuối hình bán nguyệt) cực kỳ hiếm gặp. Một đầu của công trình được xây theo dạng tường cong, tương tự một ngôi đền khác tại **Sarnath** (Ấn Độ), nơi truyền thống Phật giáo cho rằng đức Phật đã thuyết bài pháp đầu tiên.

Các nhà nghiên cứu hiện vẫn chưa xác định chính xác niên đại của công trình này, nhưng tin rằng nó được xây dựng nhằm tôn vinh đức Phật và di sản tinh thần của Ngài.

Ông **Robin Coningham** thuộc Đại học Durham (Anh), đồng trưởng nhóm khai quật, nhận định: *"Việc phát lộ ngôi đền apsidal này thực sự rất đáng phấn khởi, bởi trong giai đoạn lịch sử đó, loại kiến trúc này chỉ xuất hiện tại những địa điểm cốt lõi gắn với hoạt động hành hương Phật giáo".*

Ngoài ra, nhóm khảo cổ còn phát hiện một chuỗi các điểm định cư nhỏ có công sự bảo vệ cùng nhiều giếng nước dọc theo tuyến đường hành hương cổ nối Lumbini với Tilaurakot.

Đây có lẽ là những nơi người lữ hành dừng chân để tránh thú dữ và các mối nguy hiểm khác trên đường đi.

Coningham cho biết các nhà khảo cổ cũng khai quật được: *"Một bộ sưu tập tiền xu bạc đóng dấu cực kỳ ấn tượng".* Những đồng tiền này có niên đại vào khoảng thế kỷ III trước Tây lịch.

Theo các nhà nghiên cứu, làn sóng hành hương quy mô lớn khi ấy được thúc đẩy bởi vị quân vương nổi tiếng **A Dục Vương (Ashoka Đại đế)**, người cai trị một đế chế rộng lớn trải dài từ Afghanistan ở phía tây đến vịnh Bengal ở phía Đông.

Do chữ viết đã xuất hiện vào thời A Dục Vương, các truyền thuyết liên quan đến ông dễ được kiểm chứng hơn nhiều so với những câu chuyện về đức Phật.

Chính A Dục Vương là người đã cho dựng trụ đá sa thạch tại Lumbini vào khoảng năm 249 hoặc 248 trước Tây lịch, tức hơn một thế kỷ sau khi đức Phật nhập diệt.

Dòng chữ khắc trên trụ ghi rõ: *"Đây là nơi đức Phật, bậc hiền triết của dòng họ Thích-ca, được sinh ra".*



Một công nhân tại khu khảo cổ Kapilavastu đang làm sạch bức tường của một hồ chứa nước cổ.
(Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Theo một số nguồn sử liệu, A Dục Vương trở thành người bảo trợ Phật giáo vào năm thứ tám sau khi đăng quang. Nguyên nhân xuất phát từ một cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ. Nhà khảo cổ Basanta Bidari kể lại: *"Chính A Dục Vương có mặt trên chiến trường".*

Với khả năng kể chuyện lôi cuốn, người từng nhiều lần tháp tùng các tổng thống, quốc vương và Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc tham quan Lumbini tiếp tục mô tả: *"Cuộc thảm sát diễn ra bên bờ sông. Những trận đánh giáp lá cà khiến 100.000 người thiệt mạng. Có người mất tay, có người nội tạng trào ra ngoài, có người đầu vỡ nát. Dòng sông nhuộm đỏ bởi máu. Cảnh tượng ấy đã làm thay đổi ông".*

Trở về kinh đô, khu vực hiện nằm dưới thành phố Patna của Ấn Độ, A Dục Vương đến thăm một tu viện và theo lời Bidari: "Quy y với đức Phật".

Tại đây, vị hoàng đế quyền lực được biết rằng trước khi viên tịch, đức Phật đã khuyến khích các đệ tử hành hương đến bốn thánh tích quan trọng: **Lumbini** - nơi đản sinh; **Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng)** - nơi thành đạo; **Sarnath (Lộc Uyển)** - nơi chuyển Pháp luân lần đầu và **Kushinagar (Câu-thi-na)** - nơi nhập Đại Bát Niết-bàn.

Theo truyền thống, một vị cao tăng huyền thoại tên **Upagupta (Ưu-ba-cúc-đa)** đã trực tiếp dẫn A Dục Vương đi chiêm bái hơn 30 địa điểm liên quan đến cuộc đời đức Phật, trong đó có Lumbini.

A Dục Vương đặc biệt nhiệt thành trong việc truyền bá Phật giáo khắp đế quốc. Ông cho xây dựng vô số tháp miếu, cử các đoàn truyền giáo đi xa và khuyến khích hoạt động hành hương.

Theo truyền thuyết, ít nhất một người con trai của ông xuất gia làm tăng sĩ, trong khi một người con gái trở thành ni sư; cả hai được cho là đã góp phần quan trọng đưa Phật giáo truyền sang Sri Lanka.

Tuy nhiên, một số học giả cho rằng việc A Dục Vương tiếp nhận Phật giáo phần nào cũng xuất phát từ tính toán chính trị.

Sau khi chinh phục được một đế chế rộng lớn, việc đề cao lòng từ bi và lên án chiến tranh là lựa chọn hợp lý nhằm củng cố trật tự xã hội. John S. Strong nhận xét: *"Phật giáo là một công cụ hữu ích cho việc quản trị đế quốc".*

Dù động cơ là gì, cộng đồng Phật giáo rõ ràng đã hưởng lợi rất lớn từ sự bảo trợ của A Dục Vương.



Những mảnh gốm đất nung cổ được tìm thấy tại khu di chỉ.
(Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Phải mất hơn một thập kỷ sau khi quy y, A Dục Vương mới đến được Lumbini. Ông cho vận chuyển hoặc sai thuộc hạ vận chuyển những cột đá sa thạch khổng lồ từ mỏ đá nằm gần trung tâm đế quốc, cách đó khoảng 320 km.

Tại Lumbini, ông còn cho xây dựng một đền thờ đánh dấu nơi đức Phật Đản sinh. Tuy nhiên, các cuộc khai quật khảo cổ cho thấy một điều đáng chú ý: **Thánh tích này đã tồn tại từ rất lâu trước khi A Dục Vương xuất hiện.**

Khi đào xuống dưới lớp kiến trúc thời A Dục, các nhà khảo cổ phát hiện một nền sân và bờ viền bằng gạch có niên đại khoảng thế kỷ IV trước Tây lịch.

Tiếp tục đào sâu hơn nữa, họ phát hiện dấu tích của công trình cổ xưa hơn: những hố cột còn sót lại của hàng rào bằng cọc gỗ và đất bao quanh một cây lớn, có niên đại khoảng thế kỷ VI trước Tây lịch.

Các nhà nghiên cứu cho rằng công trình này được dựng lên ngay sau khi đức Phật nhập diệt nhằm đánh dấu nơi đản sinh của Ngài. Nếu giả thuyết này chính xác, đây sẽ là **thánh tích Phật giáo cổ nhất từng được biết đến ở Nam Á**.

Kết luận đó cũng sẽ củng cố những truyền thống cho rằng đức Phật sinh vào đầu thế kỷ VII hoặc nửa sau thế kỷ VI trước Tây lịch, sớm hơn niên đại mà nhiều học giả hiện nay chấp nhận.

John S.Strong cho biết: *"Một dạng đồng thuận tương đối gần đây đặt thời điểm đức Phật nhập diệt trong khoảng từ năm 486 đến năm 360 trước Tây lịch và*

năm sinh sớm hơn đó khoảng 80 năm".

Việc một không gian thiêng liêng cổ xưa xoay quanh một cái cây dường như hoàn toàn phù hợp với truyền thống Phật giáo.

Xét cho cùng, Hoàng hậu Maya Devi được cho là đã hạ sinh Thái tử Siddhartha trong một khu vườn khi đang nắm lấy cành cây.

Tuy nhiên, nhiều học giả bác bỏ quan điểm cho rằng ngôi đền cây có niên đại thế kỷ VI trước Tây lịch này là một thánh tích Phật giáo.

Theo họ, đây đơn giản chỉ là một **đền thờ Yaksha**, tức dạng tín ngưỡng thờ thần cây mang tính vật linh (animism) vốn rất phổ biến trong khu vực thời bấy giờ.

Những học giả này cho rằng A Dục Vương đã đến địa điểm được kinh điển xác định là nơi đức Phật Đản sinh và sau đó tái diễn giải, hoặc tái sử dụng, ngôi đền cây vốn có sẵn thành thánh tích Phật giáo.

Ông **Oskar von Hinüber**, nhà Ấn Độ học danh dự thuộc Đại học Freiburg (Đức), nguyên Chủ tịch Hiệp hội Nghiên cứu Phật học Quốc tế, nhận xét: *"Địa điểm này rất giống với nhiều khu thờ cây cổ có mặt khắp Ấn Độ từ rất lâu trước khi Phật giáo xuất hiện".*

Ông nói thêm: *"Không có lấy một dấu vết nhỏ nhất nào kết nối ngôi đền ấy với đức Phật, ngoại trừ việc nó nằm ở Lumbini".*

Dù phản đối cách diễn giải liên quan đến ngôi đền cây, von Hinüber vẫn tin rằng một đức Phật lịch sử nhiều khả năng đã tồn tại.

Ông cố gắng tách lọc những yếu tố trong kinh điển mà ông cho là đáng tin cậy nhất, những chi tiết dường như vẫn còn lưu giữ: *"Ký ức về một người có thật".*

Một ví dụ tiêu biểu là câu chuyện Thái tử Siddhartha rời bỏ gia đình để xuất gia. Trong nhiều bản truyện quen thuộc, sự kiện này mang màu sắc siêu nhiên: Thái tử cưỡi con bạch mã trung thành **Kanthaka**, trong khi chư thiên làm im tiếng hí của ngựa để Ngài âm thầm rời cung điện.

Tuy nhiên, một phiên bản kinh điển cổ hơn lại kể khác. Ở đó, Siddhartha trực tiếp đối diện với cha mẹ mình, những người vô cùng đau khổ trước quyết định của con trai.

Trong bản kinh ấy, đức Phật kể lại với các đệ tử: *"Mặc dù cha mẹ mong muốn điều khác và nước mắt đầm đìa trên khuôn mặt, Ta vẫn cắt tóc, khoác y vàng và từ bỏ đời sống tại gia để bước vào đời sống không gia đình".*

Theo von Hinüber, phiên bản cổ xưa này với xung đột cảm xúc rất đời thường giữa cha mẹ và con cái có vẻ đáng tin cậy hơn nhiều so với các yếu tố thần thoại xuất hiện trong những dị bản về sau.

Tại **Thiên Phật Tự (Thousand Buddha Temple)** ở Lumbini, một ngôi tự viện Tây Tạng đồ sộ cao bốn tầng với chính điện có chiều cao từ 9 đến 12 mét, toàn bộ câu chuyện cuộc đời đức Phật được tái hiện qua 16 bức **thangka** khổng lồ.

Một vị tăng trẻ vừa dẫn tác giả tham quan vừa nói khi chỉ vào những cảnh mô tả thời niên thiếu của Thái tử Siddhartha: *"Ngài rất giỏi mọi thứ. Trong học tập cũng như thể thao, Ngài luôn đứng số một".*

Trong một bức tranh, Siddhartha được khắc họa vào đêm rời nhà xuất gia. Ngài đang sống trong cung điện nhiều tầng lộng lẫy với kiến trúc phần nào gợi nhớ chính ngôi tự viện nguy nga nơi cuộc trò chuyện đang diễn ra.



Trong một cửa hàng lưu niệm ở Lumbini, chân dung đức Phật được trưng bày bên cạnh các vị thần Ấn Độ giáo như Saraswati và Ganesha. (Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Thế nhưng, nếu khảo cổ học và lịch sử cho chúng ta một kết luận khá chắc chắn nào đó, thì đó là việc Siddhartha thực ra lớn lên trong một môi trường giản dị hơn rất nhiều.

Theo các học giả, phụ thân của Ngài không phải là vị vua theo nghĩa thông thường mà là người đứng đầu được lựa chọn hoặc bầu lên trong một cộng đồng bộ tộc mang tính cộng hòa.

Vào thời Siddhartha còn sống, khu vực này chưa có những ngôi nhà bằng đá, xi măng hay thậm chí bằng gạch.

Ngài nhiều khả năng sống trong một ngôi nhà làm bằng gỗ, tre, đất phơi khô hoặc kết cấu đan bằng cành cây và bùn, mái lợp tranh.

Nền nhà có thể được trát bằng phân bò, vật liệu xây dựng khá phổ biến ở Nam Á cổ đại. Các tăng sĩ dường như không cảm thấy khó chịu trước khả năng ấy.

Họ chỉ ra rằng, dù giản dị đến đâu, nơi ở của Siddhartha vẫn là một "cung điện" nếu so với điều kiện sống của phần lớn người dân đương thời.

Một phật tử thậm chí ví đó như một khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp ngày nay, được xây bằng vật liệu tự nhiên và trang trí bằng hoa cỏ. Điều mà một số tăng sĩ khó chấp nhận hơn chính là xu hướng phủ nhận các phép màu từ góc nhìn khoa học.

Ngài **Chökyi Nyima Rinpoche**, người sáng lập và trụ trì Thiên Phật Tự, chia sẻ: *"Chúng tôi tôn trọng khoa học, nhưng điều khoa học nói không nhất thiết lúc nào cũng đúng 100%".*

Ngài ngồi kiết già trên một pháp tòa trong phòng tiếp khách, nơi nhiều người lần lượt đến đảnh lễ. Ngài tiếp tục: *"Trong nhiều tôn giáo, chúng ta thường hình dung về các phép màu".* Theo vị trụ trì, sự hiện diện của những câu chuyện như vậy có giá trị nhất định đối với những người tin vào chúng.

Bởi lẽ, niềm tin ấy có thể giúp nuôi dưỡng đức tin vào con đường tu tập, từ đó dẫn đến điều mà Ngài gọi là: "Phép màu lớn nhất".

Đó là khả năng giảm bớt những cảm xúc tiêu cực và học cách: "Sống tử tế hơn với mọi người".

Về phần mình, vị trụ trì Chökyi Nyima Rinpoche tin rằng thế giới không chỉ giới hạn trong những gì khoa học hiện nay có thể chứng minh.

Ngài kể với tác giả rằng bản thân từng trải qua:

"Những thị kiến khác nhau"

và từng nhìn thấy:

"Những dạng tồn tại khác nhau".

Có lần khi ở Prague (Cộng hòa Czech), sau khi nhìn thấy một thực thể như vậy, những người đi cùng đã nói với Ngài rằng thành phố ấy vốn nổi tiếng với các câu chuyện về ma quỷ và linh hồn.

Ngài thừa nhận khoa học đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng giúp cải thiện đời sống con người. Tuy nhiên, khoa học cũng tạo ra bom nguyên tử và hiện đang phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), thứ mà con người có thể chưa chắc kiểm soát được hoàn toàn. Theo Ngài: "Họ không biết nhiều về **tâm thức**".

Ngược lại, những hành giả đạt được các tầng thiền định sâu sắc có thể hiểu biết về tâm nhiều hơn và niềm tin tâm linh của họ không nên bị xáo trộn một cách tùy tiện.

Tuy nhiên, nhiều tăng ni khác lại có thái độ cởi mở và điềm tĩnh hơn trước những câu hỏi từ khoa học.

Ni sư **Ani Choying Drolma**, người được biết đến trên thế giới với danh xưng "ni sư hát" nhờ những buổi biểu diễn âm nhạc gây quỹ từ thiện, thẳng thắn chia sẻ rằng bà rất khó tin vào câu chuyện Thái tử Siddhartha được sinh ra từ dưới nách phải của Hoàng hậu Maya Devi.

Bà cười và nói: "Ở đó còn có cả lồng ngực cơ mà".

Tác giả tiếp tục đặt thêm một câu hỏi khác, liên quan đến cách đức Phật được tôn vinh đầy huy hoàng tại Lumbini.

Trong một số kinh điển, chính đức Phật từng cảnh báo đệ tử không nên quá lệ thuộc vào hình tướng của Ngài. Trong **Kinh Kim Cương**, đức Phật dạy: *"Người nào thấy Ta qua sắc thân, nghe Ta qua âm thanh, người ấy đang đi trên con đường sai lạc".*

Một câu thiền ngữ nổi tiếng của Trung Hoa vào thế kỷ IX còn diễn đạt quyết liệt hơn: "Gặp Phật giết Phật".

Ý nghĩa ở đây không phải phủ nhận đức Phật, mà nhấn mạnh rằng người tu tập không nên bám víu vào bất kỳ vị thầy hay đấng cứu rỗi nào.

Thế nhưng, chính điện của ngôi tự viện Tây Tạng tại Lumbini lại được trang hoàng bằng hàng trăm pho tượng Phật dát vàng.



Đền Kudan tại Lumbini, nơi truyền thống cho rằng Tôn giả Rahula (La-hầu-la) đã xuất gia khi lên tám tuổi.
Công trình hình bát giác trên gò đất là một đền thờ thần Shiva được người Hindu xây dựng vào thời kỳ sau.
(Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Ni sư Drolma thừa nhận sự mâu thuẫn bề ngoài ấy. Tuy nhiên, bà cho rằng việc truyền bá giáo pháp đòi hỏi những **"phương tiện thiện xảo"** khác nhau.

Bà giải thích: *"Không phải ai cũng có khả năng hiểu ngay tinh túy của giáo pháp. Mọi thứ cần diễn ra từng bước. Vì thế, chúng tôi tạo ra những biểu tượng giúp mọi người tiếp cận bản chất giáo pháp dễ dàng hơn".*

Theo bà, tinh thần từ bỏ vật chất mà đức Phật giảng dạy phù hợp hơn với: "Những người có **tư duy tri thức** rất cao".

Trong khi đó: "Nhiều người khác vẫn cần một hệ thống biểu tượng để nâng đỡ đời sống tinh thần của mình".

Dẫu vậy, đối với những hành giả đã tiến xa hơn trên con đường tu tập, việc hướng đến giác ngộ đòi hỏi tinh thần chất vấn và tự mình kiểm chứng thực cẩn mật.

Ni sư Drolma nhắc lại lời đức Phật: *"Đừng tin điều gì chỉ vì ta nói như vậy. Chỉ nên tin khi chính các vị đã tự mình khảo sát và trải nghiệm".*

Bà nói tiếp: *“Ngài chưa bao giờ nói: ‘Ta sẽ giải thoát cho các con’. Ngài chỉ nói: ‘Ta sẽ chỉ cho các con con đường’”.*

Trong khi đó, các nhà khảo cổ cho biết những khu vực đang được khai quật hiện nay mới chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong kho tàng còn nằm dưới lòng đất quanh Lumbini.

Các khảo sát từ kế (magnetometry) cho thấy bên dưới khu vực này tồn tại vô số cấu trúc ngầm quy mô lớn, nhiều nơi nằm dưới đất tư nhân.

Ông Michael Croft nhận xét: *“Chỉ cần đá nhẹ lớp đất ở đây là có thể gặp ngay di tích bên dưới. Xét về mặt khảo cổ học, nơi này cực kỳ giàu tiềm năng”.*

Tuy nhiên, có một địa điểm gần như chắc chắn sẽ không được khai quật trong tương lai gần. Đó là bảo tháp cổ tại **Ramagrama**, cách Lumbini khoảng 48 km. Theo truyền thống, bảo tháp này đang lưu giữ những xá-lợi thân thể của chính đức Phật có thể là những mảnh xương, răng hoặc tro cốt còn sót lại.

Trong một chuyến thăm gần đây, tác giả nhìn thấy bảo tháp như một gò đất lớn phủ cỏ xanh, bên trên mọc một cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi.

Những cánh hoa mộc lan rơi đầy mặt đất. Các dải khăn trắng **khata** của người Tây Tạng được treo trang trọng quanh khu vực.



Tượng Tiểu Phật (Little Buddha) cao khoảng 3,3 mét tại Lumbini là món quà của các phật tử Thái Lan.
Nhiều người trong số họ đã đóng góp từng mẩu vàng nhỏ tại các trạm xăng và cửa hàng địa phương để đúc nên pho tượng này.

(Ảnh: GMB Akash / Panos Pictures)

Không xa đó, hai cô gái trẻ đang tập những động tác múa, trong khi vài phụ nữ nông dân chăn dê đi ngang qua.

Ramagrama từng là một trong tám bảo tháp được cho là cất giữ nhục thân xá-lợi của đức Phật sau lễ trà-tỳ.

Tuy nhiên, theo truyền thuyết, A Dục Vương đã cho mở bảy bảo tháp còn lại để lấy xá-lợi phân chia đến hàng nghìn bảo tháp khác trên khắp đế quốc.

Riêng bảo tháp Ramagrama được bảo vệ bởi một **Long vương**. Đó là điều được ghi lại trong các ký sự của nhà sư hành hương Trung Quốc **Pháp Hiển (Faxian)** vào thế kỷ V.

Các nghiên cứu địa vật lý đã được tiến hành trên diện rộng quanh Ramagrama, cho thấy dưới lòng đất vẫn còn tồn tại những quần thể tu viện và kiến trúc Phật giáo quy mô lớn chưa được khai quật.

Tuy nhiên, các yếu tố tôn giáo khiến việc thăm dò trực tiếp bảo tháp gần như không thể thực hiện. Nhà khảo cổ Kosh Prasad Acharya nhấn mạnh rằng ngay cả A Dục Vương: “Cũng không dám” mở bảo tháp thiêng này. Bởi vậy, việc đào bới ngày nay sẽ bị xem là hành động xâm phạm sự linh thiêng của di tích.

Robin Coningham, người luôn ý thức về sự nhạy cảm của cộng đồng Phật giáo, cho biết ông hoàn toàn đồng tình với việc để bảo tháp được yên nghỉ.

Ông nói: “Có những câu hỏi mà khoa học không thể và có lẽ cũng không nên trả lời”.

Rồi ông kết luận: “Phải còn lại một phần nào đó của sự huyền nhiệm”.

Tác giả: **Jeffrey Bartholet**

Ảnh: **GMB Akash/Panos Pictures**

Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: Smithsonian Magazine (https://www.smithsonianmag.com/history/archaeologists-learning-buddha-legenday-nepali-hometown-180986227/)

Chú thích thuật ngữ:

Apsidal Temple (Đền apsidal): Loại kiến trúc đền thờ có mặt bằng hình chữ nhật nhưng một đầu được thiết kế theo dạng bán nguyệt hoặc hình móng ngựa. Đây là kiểu kiến trúc xuất hiện trong nhiều công trình Phật giáo sơ kỳ tại Ấn Độ cổ đại.

Ashoka (A Dục Vương): Vị hoàng đế nổi tiếng của triều đại Maurya (thế kỷ III trước Tây lịch), cai trị phần lớn tiểu lục địa Ấn Độ. Sau cuộc chiến Kalinga đẫm máu, ông trở thành người bảo trợ quan trọng nhất của Phật giáo, cho xây dựng nhiều bảo tháp, trụ đá và khuyến khích hoạt động truyền bá Phật pháp.

Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng): Địa danh thuộc bang Bihar (Ấn Độ), nơi Thái tử Siddhartha Gautama thành tựu giác ngộ dưới cội Bồ-đề và trở thành đức Phật.

Deva (Thiên nhân, chư thiên): Các chúng sinh thuộc cõi trời trong thế giới quan Phật giáo và Ấn Độ cổ đại. Dù có tuổi thọ và phước báo lớn, chư thiên vẫn nằm trong vòng luân hồi sinh tử.

Dungchen: Loại kèn dài bằng đồng đặc trưng của Phật giáo Tây Tạng, thường được sử dụng trong các nghi lễ lớn. Âm thanh trầm hùng và ngân vang của dungchen là một nét đặc sắc trong âm nhạc nghi lễ Tây Tạng.

Faxian (Pháp Hiển, 337 - khoảng 422): Cao tăng Trung Quốc thời Đông Tấn, nổi tiếng với chuyến hành hương sang Ấn Độ tìm cầu kinh điển Phật giáo. Tác phẩm *Phật quốc ký* của ngài là nguồn tư liệu quý giá về Phật giáo và Nam Á cổ đại.

Jataka (Bản sinh kinh): Hệ thống truyện kể về các tiền thân của đức Phật trong vô số đời quá khứ. Đây là một trong những thể loại văn học Phật giáo phổ biến nhất tại Nam Á và Đông Nam Á.

Kanthaka (hay ngựa Kiền Trắc): Tên con bạch mã đã đưa Thái tử Siddhartha rời hoàng cung trong sự kiện được gọi là “Đại xuất gia”.

Kapilavastu (Ca-tỳ-la-vệ): Kinh đô của bộ tộc Thích-ca (Shakya), nơi Thái tử Siddhartha trải qua thời niên thiếu trước khi xuất gia. Vị trí chính xác của thành cổ này hiện vẫn còn được giới học thuật tranh luận.

Khata: Khăn lụa nghi lễ của người Tây Tạng và vùng Himalaya, thường được dùng để chào đón khách quý, cúng dường hoặc biểu thị lòng tôn kính.

Kushinagar (Câu-thi-na): Địa điểm tại bang Uttar Pradesh (Ấn Độ), nơi truyền thống Phật giáo xác định đức Phật nhập Đại Bát Niết-bàn.

Lumbini: Địa danh thuộc Nepal, được truyền thống Phật giáo xác định là nơi đức Phật Đản sinh. Hiện là một Di sản Thế giới của UNESCO.

Magadhi Prakrit: Ngôn ngữ bình dân cổ đại được sử dụng tại vùng Ma Kiệt Đà (Magadha) ở Bắc Ấn Độ. Nhiều học giả cho rằng đây là ngôn ngữ hoặc nhóm phương ngữ gần với ngôn ngữ đức Phật sử dụng trong quá trình hoằng pháp.

Mahapadana Sutta (Kinh Đại Bổn): Một bản kinh thuộc Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya), trình bày về các đức Phật trong quá khứ và những đặc điểm chung trong cuộc đời các Ngài.

Mara (Ma vương): Nhân vật tượng trưng cho những chướng ngại trên con đường giác ngộ. Trong kinh điển, Mara thường được mô tả như một thế lực tìm cách cản trở đức Phật trước khi Ngài thành đạo.

Maya Devi (Hoàng hậu Ma-da): Thân mẫu của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Theo truyền thống, bà viên tịch bảy ngày sau khi sinh Thái tử Siddhartha.

Nirvana/Parinirvana (Niết-bàn/Đại Bát Niết-bàn):

+ Niết-bàn (Nirvana): trạng thái giải thoát hoàn toàn khỏi tham, sân, si và vòng luân hồi.

+ Đại Bát Niết-bàn (Parinirvana): trạng thái sau khi một vị Phật hoặc A-la-hán viên tịch, không còn tái sinh.

Pali: Ngôn ngữ của Tam tạng kinh điển Theravāda (Phật giáo Nam truyền), bảo tồn một trong những lớp văn bản Phật giáo cổ xưa nhất còn tồn tại.

Punch-marked Coins (Tiền xu đóng dấu): Loại tiền kim loại cổ của Ấn Độ, được tạo ra bằng cách đóng các ký hiệu lên bề mặt thay vì đúc khuôn hoàn chỉnh như tiền xu hiện đại.

Rahula (La-hầu-la): Con trai duy nhất của Thái tử Siddhartha và công chúa Yasodhara. Sau này xuất gia và trở thành một trong những đệ tử của đức Phật.

Ramagrama: Thánh địa Phật giáo tại Nepal, nổi tiếng với bảo tháp được truyền thống cho là vẫn còn lưu giữ xá-lợi nguyên thủy của đức Phật.

Sarnath (Lộc Uyển): Địa điểm gần thành phố Varanasi (Ấn Độ), nơi đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên sau khi thành đạo, mở đầu cho sự hình thành Tăng đoàn.

Shakya (Thích-ca): Bộ tộc hoặc cộng đồng chính trị mà đức Phật sinh ra và lớn lên. Từ đó hình thành danh xưng **Shakyamuni** (Thích-ca Mâu-ni), nghĩa là

“Bậc Thánh của dòng họ Thích-ca”.

Stupa (Bảo tháp): Công trình kiến trúc Phật giáo dùng để tôn trí xá-lợi hoặc tưởng niệm các sự kiện liên quan đến đức Phật và các bậc thánh tăng.

Sunga Dynasty (Triều đại Sunga): Triều đại cai trị miền Bắc Ấn Độ từ khoảng năm 185 đến 73 trước Tây lịch, kế tục đế quốc Maurya sau khi triều đại này suy yếu.

Thangka: Tranh cuộn tôn giáo của Phật giáo Tây Tạng, thường vẽ đức Phật, Bồ Tát, mandala hoặc các câu chuyện trong kinh điển.

Tilaurakot: Di chỉ khảo cổ ở Nepal, được nhiều nhà nghiên cứu xem là ứng viên có khả năng cao nhất cho vị trí thành Kapilavastu cổ.

Upagupta (Ưu-ba-cúc-đa): Vị cao tăng nổi tiếng trong truyền thống Phật giáo Bắc truyền, thường được xem là người hướng dẫn A Dục Vương và góp phần quan trọng vào việc truyền bá Phật giáo thời Maurya.

Yaksha (Dạ-xoa): Trong tín ngưỡng Ấn Độ cổ đại, Yaksha là các linh thần gắn với cây cối, núi rừng, nguồn nước hoặc kho tàng. Nhiều hình tượng Yaksha về sau được tiếp nhận vào văn hóa Phật giáo và Ấn Độ giáo.

Yasodhara (Da-du-đà-la): Vợ của Thái tử Siddhartha Gautama trước khi Ngài xuất gia.